Quản lý vốn tự có tại các NHTMCP TP.HCM

TS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Vốn tự có là cơ sở hình thành pháp lý kinh doanh cho các doanh nghiệp, đồng thời cũng là yếu tố tài chính quan trọng nhất trong việc đảm bảo các khoản nợ đối với khách hàng. Trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, vốn tự có còn là yếu tố có ý nghĩa quyết định sống còn đến sự hình thành và phát triển lâu dài của các Ngân hàng Thương mại (NHTM).

Duy trì quy mô vốn tự có hợp lý, đảm bảo khả năng tăng trưởng vốn tự có mạnh mẽ phù hợp với chiến lược phát triển có ảnh hưởng rất lớn đến nâng cao năng lực tài chính. Nói khác đi, khi vốn tự có của ngân hàng được quản lý hữu hiệu theo công nghệ hiện đại bằng những tiêu chuẩn an toàn tiên tiến thì năng lực tài chính của ngân hàng sẽ được nhân lên nhiều lần. Năng lực tài chính cao và lành mạnh là điều kiện cơ bản để ngân hàng mở rộng khả năng huy động vốn, tăng cường năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng tự bảo vệ trước các rủi ro và phát triển ổn định, bền vững.

Tuy nhiên, một trong số những điểm yếu của hệ thống NHTMCP Việt Nam hiện nay nói chung là trình độ quản lý chưa tương xứng với sự gia tăng của quy mô vốn tự có, tiêu chuẩn an toàn vốn giữa trong nước và quốc tế vẫn còn khoảng cách quá lớn. Điểm yếu này đã và đang có những ảnh hưởng xấu nhất định đến khả năng cạnh tranh, uy tín, vị thế và mức độ an toàn trong kinh doanh. Khắc phục điểm yếu này càng có ý nghĩa quan trọng hơn khi Việt Nam đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các NHTMCP có đủ khả năng để chống đỡ với những áp lực cạnh tranh từ sự "đổ bộ" của các ngân hàng nước ngoài (NHNNg) và vượt qua những ràng buộc khắt khe bởi các đạo luật giám sát an toàn vốn ở đẳng cấp cao của cơ quan giám sát ngân hàng quốc tế mà vẫn đạt được các mục tiêu sinh lợi của mình.

Mặc dầu, các quy định pháp lý về an toàn vốn tự có trong hoạt động kinh doanh ngân hàng ở Việt Nam gần đây đã được cải thiện theo các quy định của quốc tế, nhưng các NHTM vẫn chưa thể thực thi được do còn có quá nhiều yếu kém về trình độ, công nghệ, chuẩn mực và điều kiện pháp lý. Mặt khác trong quá trình triển khai, nhiều bất cập giữa các ngân hàng đã phát sinh, nhiều vấn đề khó khăn đặt ra,... Đánh giá toàn diện về những kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế cũng như nguyên nhân của các tồn tại cần được giải quyết là cơ sở để có những định hướng đổi mới quản lý vốn tự có khả thi. Dựa trên các kết quả nghiên cứu thực tiễn quản lý vốn tự có tại các NHTMCP tại TP.HCM trong thời gian theo tác giả có một số nhận định như sau:

1. Nhận định về những kết quả đạt được:

Sự phát triển của các NHTMCP thành phố trong thời gian qua đã đáp ứng được một phần quan trọng nhu cầu vốn, hỗ trợ ngân sách, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tiến trình hội nhập, đóng góp lớn cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế chung của thành phố và cả nước. Thành tựu nổi bật là thành công trong việc tiếp cận khách

TẠP CHÍ Công nghệ ngân hàng

70C 1207 - 014SG

Bạn đọc không cần dán tem

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

To: Tạp chí Công nghệ ngân hàng
36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

hàng đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN), tăng vốn cho vay khu vực nông thôn, các vùng sâu xa, kích thích sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, mở rộng cho vay cá nhân. Gần đây sau thời kỳ chấn chỉnh và cơ cấu lại hình ảnh, vị thế của các NHTMCP hầu hết đã được cải thiện trong mắt công chúng và cả trong các ngân hàng. Kết quả hoạt động kinh doanh ngày càng có chiều hướng tích cực, tốc độ tăng vốn và lãi suất của cổ đông tăng khá nhanh, năng lực cạnh tranh được nâng cao. Theo sự phát triển nhanh của vốn và tốc độ đổi mới công nghệ nhiều sản phẩm, dịch vụ mới được đưa ra đã mang lại sự sôi động cho thị trường tiền tệ và môi trường kinh doanh lành mạnh cho thành phố.

2. Nhận định về những mặt còn hạn chế:

Nhìn chung nguồn vốn tự có hiện ở mức độ tương đối khá nhưng vẫn chưa đủ lớn so với nhu cầu thực tế, do mức độ tác động đối với thị trường còn hạn chế nên tính ổn định của hoạt động kinh doanh chưa cao. Sự thiếu linh hoạt trong việc tiếp cận các nguồn vốn tiềm ẩn khiến khả năng cân đối nguồn vốn để sử dụng cho các hoạt động trung và dài hạn gặp nhiều khó khăn. Mặc dầu, một số ngân hàng đã thực hiện hoạt động thanh toán quốc tế, cho vay bán buôn nhưng mức độ tham gia vẫn còn hạn chế. Hầu hết đều thực hiện một số hoạt động giống nhau trên cùng một địa bàn với cùng một đối tượng nên ranh giới phân khúc thị trường sản phẩm dịch vụ rất khó phân biệt. Nguy cơ rủi ro tiềm ẩn vẫn còn lớn do cạnh tranh giá vẫn là công cụ chủ yếu để huy động vốn, trong khi lãi suất tín dụng quá cao so với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp. Thực tế khảo sát cho thấy so với tiềm năng và lợi thế các NHTMCP vẫn chưa đạt được sự phát triển tương xứng, chưa hình thành được sản phẩm chủ lực thực sự để cạnh tranh để thu hút khách hàng và chưa tạo lập được sân chơi riêng. Các thành tích đạt được mới chỉ dừng lại ở mức đổi mới và chuyển biến theo chiều rộng. Khả năng thích ứng nhanh với quá trình tiếp cận công nghệ mới và đáp ứng yêu cầu cạnh tranh còn thấp,...

- ***Về cơ cấu vốn tự có,*** mức vốn điều lệ tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh, đặc biệt trong cơ cấu vốn điều lệ có rất ít vốn pháp nhân, vốn của thể nhân vẫn chiếm chủ yếu. Vốn của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, vốn nước ngoài chỉ mới xuất hiện trong thời gian gần đây nhưng vẫn còn rất khiêm tốn. Trong khi nguồn vốn bổ sung chưa được chú ý khai thác khiến áp lực rủi ro lên vốn cơ bản rất lớn, đây cũng chính là yếu tố gây ra nhiều bất cập và là một trong những hạn chế gây ảnh hưởng đến hoạt động bền vững của các NHTMCP.
- ***Về chiến lược quản lý vốn,*** một số NHTMCP tuy đã và đang có kế hoạch từng bước xác định chiến lược an toàn, duy trì và tăng trưởng vốn tự có (đặc biệt là nhóm các NHTMCP dẫn đầu), nhưng nhìn chung các NHTMCP TP.HCM vẫn chưa xác lập được chiến lược xây dựng và chủ động trong quản lý các chỉ tiêu an toàn vốn tự có, mục tiêu định hình các cổ đông chiến lược chưa rõ nét.
- ***Về chính sách tăng vốn cổ phần,*** mặc dầu đã được xây dựng khá bài bản nhưng mức độ công khai hóa còn nhiều hạn chế. Việc chậm niêm yết trên thị trường chứng khoán cùng với thiếu thông tin đánh giá của thị trường đã góp phần đẩy giá cổ phiếu của các NHTMCP lên mức cao trong thời gian qua, giờ đây trước sự trầm lắng của thị trường có thể khiến những rủi ro tiềm ẩn trong quản lý an toàn vốn có thể trở thành vấn nạn.
- ***Về quy định cổ đông,*** *cổ phiếu,* việc góp vốn mua cổ phần chưa đúng đối tượng (mua của chính cổ đông ngân hàng), vượt quá tỷ lệ do NHNN quy định. Một số chuyển nhượng cổ phần

có ghi tên với tổng mức vượt quá 20% vốn điều lệ nhưng chưa được sự chấp thuận của NHNN. Một số khác vi phạm các quy định về hồ sơ thay đổi cổ phần của cổ đông, như: đơn chuyển nhượng cổ phần, đơn mua cổ phần, tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần, vi phạm về giới hạn sở hữu cổ phần.... Nhiều ngân hàng không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu theo quy định của điều lệ đối với thành viên là HĐQT hoặc trưởng ban kiểm soát. Ngoài ra còn xuất hiện các vi phạm phổ biến khác, như: vi phạm quy định về mua bán chuyển nhượng cổ phần, vi phạm luật NHNN và điều lệ NHTMCP...;

- ***Trong quản lý tài chính,*** việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính để xử lý tổn thất không đúng quy định, một số khoản lãi dự thu đã quá hạn không thu được nhưng vẫn không xuất toán khỏi thu nhập đưa vào theo dõi ngoại bảng. Việc theo dõi xử lý tài sản xiết nợ không rõ ràng, trích lập dự phòng rủi ro không đúng và đủ theo quy định, việc phân loại tài sản có rủi ro không đúng;
- ***Trong quản lý tín dụng,*** phổ biến là các vi phạm về nguyên tắc điều kiện cho vay. Quá trình thẩm định, xét duyệt cho vay, công tác kiểm tra trước trong và sau khi cho vay chưa được tôn trọng, định kỳ hạn nợ chưa sát với chu kỳ sản xuất kinh doanh, để nhiều khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích. Hiện tượng cho vay để trả nợ lãi vẫn còn, tình trạng nợ quá hạn ở một số ngân hàng còn quá cao, nhiều vi phạm quy định về các trường hợp không cho vay, về giới hạn cho vay, bảo lãnh...;
- ***Trong bảo lãnh và mua bán ngoại tệ,*** phần lớn không hạch toán ngoại bảng, không thu phí, thiếu kiểm soát trong bảo lãnh, việc quản lý lô hàng được bảo lãnh chưa chặt chẽ. Vẫn còn hiện tượng bán ngoại tệ vượt giá trị hợp đồng hoặc khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc bán vượt tỷ giá quy định, kết hối ngoại tệ chưa kịp thời, ký kết hợp đồng bán ngoại tệ không phù hợp với mục đích sử dụng ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại tệ vượt mức cho phép ..;
- ***Trong bảo đảm tiền vay,*** nhiều ngân hàng vẫn còn cho vay vượt quá giá trị tài sản thế chấp, xét duyệt cho vay không có tài sản đảm bảo đối với những trường hợp đã được pháp luật quy định. Nhận thế chấp cầm cố bảo lãnh để cho vay bằng các tài sản không đủ điều kiện, như: tài sản không thuộc sở hữu người đi thế chấp, cầm cố bảo lãnh, tài sản không được phép giao dịch....

3. Nhận định về những nguyên nhân chủ yếu:

Những yếu kém trong công tác quản lý rủi ro.

- Thiếu các mô hình quản trị rủi ro hiện đại, như: mô hình hóan đổi rủi ro và thu nhập, mô hình lượng hóa rủi ro và mô hình xác định mức cho vay tối đa, tối ưu đối với khách hàng. Kết quả, ngân hàng không có cơ sở để xác định chính xác phần bù rủi ro và giới hạn an toàn tín dụng cũng như để trích lập dự phòng rủi ro;
- Năng lực quản trị rủi ro kém, cơ cấu tài sản không hợp lý, các nguồn vốn chưa được sử dụng có hiệu quả. Trích lập dự phòng rủi ro vẫn dựa trên cơ sở nợ quá hạn chứ không phải mức rủi ro tín dụng, rủi ro mất vốn rất cao nhưng trích lập chưa đầy đủ;
- Mức độ rủi ro trong cơ cấu vốn lớn, chưa chú ý đến các rủi ro khi định giá về tính chất, phí tổn, cơ hội, khả năng sử dụng cho từng loại vốn, cũng như sự khác nhau về nhu cầu vốn trong cách lựa chọn độ an toàn và lợi nhuận kỳ vọng của nhà đầu tư;
- Chưa thiết lập các tiêu chuẩn an toàn và hệ thống quản lý rủi ro tín dụng hữu hiệu trong nội bộ để nâng cao chất lượng thẩm định và giám sát việc tuân thủ các quy định về cấp tín dụng, kiểm soát an toàn tín dụng. Chế độ báo cáo thống kê nội bộ chưa kiểm soát được, việc ban hành các quy định chưa kịp thời;
- Hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ yếu kém, chậm phát hiện những tồn tại sai phạm. Kiểm toán nội bộ mới chỉ dừng lại ở mức kiểm tra, chưa đánh giá tổng thể quy trình nghiệp vụ để đề xuất giải pháp phòng ngừa rủi ro.

Những yếu kém trong năng lực tài chính.

- Hầu hết các ngân hàng đều có xuất phát điểm rất thấp về trình độ phát triển thị trường, tiềm lực về vốn, công nghệ. Trình độ tổ chức quản lý vốn còn rất thấp so với các nước trong khu vực, tiềm năng tăng vốn vẫn còn rất nhiều khó khăn;
- Phát triển vốn chưa chủ động, còn chạy theo thị trường theo lối ăn đong, không gắn với yêu cầu thực tế phát triển kinh tế xã hội của địa bàn và cả nước, thiếu mục tiêu và kế hoạch tập trung thu hút sử dụng vốn;
- Chính sách tăng vốn chưa chú ý đến các nguồn vốn bổ sung, đến sự chi phối của các yếu tố, như: chất lượng uy tín, tỷ lệ cổ tức chi trả, phí tổn vốn, tỷ lệ tích lũy các quỹ,.... Tình hình mua bán, sáp nhập trong thời gian vừa qua không gắn liền với việc tăng vốn;
- Việc sử dụng lợi nhuận để lại trích lập các quỹ cũng như các chính sách về khai thác quỹ thặng dư vốn, cổ phiếu thưởng trong phát hành cổ phiếu còn quá nhiều bất cập, còn chú ý nhiều đến việc làm đẹp các kết quả tài chính hơn là những tác dụng lâu dài. Cơ chế tổ chức chưa đủ điều kiện để minh bạch, công khai hóa và niêm yết trên thị trường chứng khóan.

Những yếu kém trong cấu trúc sở hữu vốn.

- Cổ đông phần lớn là các nhà đầu tư tư nhân năng lực tài chính, uy tín, kinh nghiệm kinh doanh khu vực ngân hàng yếu

kém, thậm chí chưa nhận thức hết vai trò năng lực điều hành của mình trong khi lại có nhiều mục đích khác nhau;

- Cấu trúc và nội bộ cổ đông còn nhiều vấn đề phức tạp, tỷ lệ cổ đông lớn nắm giữ không cao, chiếm tỷ lệ lớn vẫn là các DNNN hoặc vốn của thể nhân, trong khi vốn của các pháp nhân hầu như không đáng kể;
- Cơ chế tổ chức, thể thức điều hành và chính sách tôn trọng quyền đại diện của chủ sở hữu theo cơ chế thị trường vẫn chưa được xác lập. Nội bộ cổ đông và chính sách mục tiêu quản trị còn nhiều bất cập gây khó khăn cho việc tiếp cận, triển khai các chính sách mới;
- Cấu trúc sở hữu cổ phần thiếu tính đa dạng và không đủ mạnh, chính sách cổ phần hóa đối với từng đối tượng cụ thể không rõ ràng. Hầu hết đều chưa chú ý đến chính sách phát triển cổ đông chiến lược, phát triển cổ phần ra bên ngoài. Mặt khác, các quy định pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam còn đang tạo ra nhiều rào cản khiến các nhà đầu tư chiến lược không thể tham gia đầy đủ và hiệu quả hơn vào các mục tiêu cải cách toàn diện ngân hàng.

Những yếu kém trong cơ chế quản lý, giám sát của NHNN.

- Quá chú trọng đến vấn đề phổ cập các chuẩn mực đảm bảo an toàn vốn theo tiêu chuẩn quốc tế mà bỏ qua quá trình cải tạo môi trường và chuẩn bị các điều kiện trước khi triển khai. Trong quá trình triển khai hầu hết các chính sách đều không chú ý đến việc xây dựng lộ trình, thiếu các phương thức tiếp cận, các hướng dẫn chi tiết, thiếu các quy định đánh giá kết quả thực thi cụ thể;
- Hiệu quả công tác giám sát an toàn vốn còn rất thấp, do chưa chú ý đổi mới cơ chế chính sách, nâng cao trình độ năng lực, cũng như trang bị điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cán bộ giám sát thiếu các công cụ bảo vệ quyền lực, thiếu các quy định cho phép tiếp cận và khai thác các thông tin đánh giá rủi ro; Công tác giám sát rủi ro chưa được chuyên nghiệp hóa, thiếu các hiệp hội nghề nghiệp, các đơn vị thanh tra giám sát chuyên môn, thiếu các cơ chế giám sát từ xã hội, từ thị trường cũng như các quy định thực hiện dân chủ trong các đánh giá và giám sát các rủi ro.
- Cách thức giám sát còn nhiều hạn chế, thiếu các chương trình, các văn bản hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các rủi ro thị trường. Các chỉ tiêu, cách xác định, phương pháp đánh giá tính đầy đủ của vốn tự có thiếu khoa học, chưa phù hợp và không chính xác, khiến cơ cấu vốn an toàn được xác định không thích hợp với bù đắp các rủi ro; Mối quan hệ giữa ngân hàng với các tổ chức kinh tế, cá nhân và các ngân hàng khác,... hiện vẫn chưa được điều chỉnh. Hầu hết đều thiếu các quy định pháp lý, thậm chí chồng chéo và mâu thuẫn gây khó khăn cho việc giải quyết các khoản nợ xấu;
- Hệ thống thuật ngữ quản lý rủi ro và chuẩn mực an toàn vốn còn nhiều khác biệt so với thế giới gây khó khăn cho việc tiếp cận, điều chỉnh một số yếu tố và cấu phần mới của vốn tự có. Nhiều hệ thống phân loại khác nhau còn đang tồn tại với các thuật ngữ không đồng nhất khiến kết quả phân loại nợ theo các quy định của NHNN và thông lệ quốc tế còn khác biệt lớn;
- Cơ chế giám sát còn mang tính phiếm diện và tính kỷ luật thị trường còn lỏng lẽo khiến các ngân hàng lơ là trong việc kiểm tra nội bộ, đánh giá rủi ro, nỗ lực hơn trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh và khả năng đối phó với khủng hoảng tài chính; Các quy định về các biện pháp hỗ trợ cho công tác giám sát hầu như không có, cơ quan giám sát chưa được quyền chế tài, sáp nhập hoặc cho phép phá sản các đơn vị yếu kém cũng như trực tiếp đề xuất các dự án yêu cầu các ngân hàng yếu kém phải nhanh chóng chấn chỉnh hoạt động;
- Việc triển khai áp dụng xếp loại tài sản có rủi ro theo các chuẩn mực Basel còn quá máy móc, thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết và các quy định cụ thể, không chú ý đến những khác biệt trong hệ thống thống kê, kế toán, pháp luật,.. trong nước khiến tình hình che giấu rủi ro càng trở nên trầm trọng hơn;
- Các quy định về chính sách quản lý tài chính còn nhiều bất cập, như: quỹ thặng dư, cấu phần vốn, tăng trưởng. Quy định về chế độ sử dụng lợi nhuận giữ lại để phát hành cổ phiếu, trái phiếu, sáp nhập, hợp nhất, mua lại không rõ ràng.

Thực tế khảo sát cho thấy môi trường hoạt động của các NHTM đang ngày càng trở nên khó khăn và phức tạp hơn. Trong khi đằng sau của những thành quả đã đạt được, hoạt động quản lý vốn tự có ở các NHTMCP TP.HCM vẫn còn quá nhiều bất cập, yếu kém, mà nguyên nhân cơ bản chính là sự tụt hậu, sự lạc lõng trong công nghệ quản trị rủi ro so với yêu cầu của hoạt động kinh doanh ngân hàng trong khu vực và quốc tế. Trước ngưỡng cửa hội nhập và những đòi hỏi mới của môi trường cạnh tranh, đổi mới quản trị vốn tự có theo các chuẩn mực tiến tiến hay đổi mới toàn diện cơ chế quản trị rủi ro là một yêu cầu hết sức cấp bách, có ý nghĩa quyết định sống còn không chỉ đối với các NHTMCP mà đối với cả ngành Tài chính - Ngân hàng Việt Nam. Để quá trình đổi mới vừa rút ngắn được khoảng cách, vừa bảo vệ được mục đích đặt ra các NHTMCP TP.HCM và cả cơ quan quản lý, giám sát đều cần có một quá trình chuẩn bị với những bước đi thích hợp và đổi mới đồng bộ trên nhiều mặt với quyết tâm cao ■